

Thành phần lương(Salary Component)

Thành phần lương(Salary Component) là các khoản thu nhập, khấu trừ, và đóng góp của công ty được sử dụng để tính lương cho nhân viên. Trong **VHThr**, **Salary Component** là những yếu tố riêng lẻ tạo nên **Cấu trúc lương(Salary Structure)**, giúp hệ thống tự động tính toán phiếu lương (**Salary Slip**).

1. Các loại Salary Component trong Frappe HRMS

Frappe HRMS chia **Salary Component** thành 3 nhóm chính:

A. Thu nhập(Earnings)

Là các khoản mà nhân viên **được nhận** thêm vào lương:

- ☐ **Lương cơ bản (Basic Salary)** – Khoản lương cố định mà nhân viên nhận được.
- ☐ **Phụ cấp (Allowance)** – Các khoản hỗ trợ như:
 - **Phụ cấp đi lại**
 - **Phụ cấp nhà ở**
 - **Phụ cấp ăn trưa**
- ☐ **Thưởng (Bonus)** – Tiền thưởng doanh số, thưởng năng suất.
- ☐ **Hoa hồng (Commission)** – Dành cho nhân viên bán hàng, tính theo phần trăm doanh thu.

B. Khấu trừ(Deductions)

Là các khoản bị **trừ vào lương** trước khi nhân viên nhận lương thực nhận:

- ☐ **Thuế thu nhập cá nhân (Income Tax)** – Trừ theo quy định của nhà nước.
- ☐ **Bảo hiểm xã hội (Social Insurance)** – Nhân viên phải đóng một phần bảo hiểm.
- ☐ **Bảo hiểm y tế (Health Insurance)** – Khấu trừ theo chính sách công ty.

☐ **Tạm ứng lương (Loan Repayment)** – Trừ các khoản nhân viên vay trước đó.

C. Đóng góp của công ty(Employer Contributions)

Là các khoản mà **công ty đóng góp** thay cho nhân viên:

- ☐ **Bảo hiểm xã hội công ty đóng (Company Social Insurance Contribution)**
 - ☐ **Bảo hiểm y tế do công ty đóng (Company Health Insurance Contribution)**
 - ☐ **Quỹ hưu trí (Retirement Fund)**
-

2. Cách tạo Thành phần lương(Salary Component) trong VHTHr

Khi tạo một Thành phần lương(Salary Component), bạn có thể thiết lập:

1. **Tên Salary Component** (Ví dụ: "Phụ cấp đi lại").
 2. **Type (Loại thành phần)** – Chọn **Earnings, Deductions** hoặc **Employer Contributions**.
 3. **Amount hoặc Formula** – Nhập số tiền cố định hoặc công thức tính toán.
 4. **Affect Net Pay** – Nếu chọn, khoản này sẽ ảnh hưởng đến lương thực nhận của nhân viên.
 5. **Variable Based On Taxable Salary** – Nếu bật, thành phần này sẽ bị tính thuế.
 6. **Condition (Điều kiện áp dụng)** – Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện cụ thể (VD: chỉ cho nhân viên có thâm niên trên 1 năm).
-

3. Ví dụ về Thành phần lương(Salary Component) trong thực tế

Ví dụ 1: Lương cơ bản (Basic Salary)

- **Type:** Earnings
- **Amount:** Giá trị cố định (Ví dụ: 10.000.000 VNĐ)
- **Affect Net Pay:** ☒ Có

Ví dụ 2: Bảo hiểm xã hội (Social Insurance)

- **Type:** Deductions
- **Formula:** $8\% * \text{Basic Salary}$
- **Affect Net Pay:** ☒ Có

Ví dụ 3: Đóng góp bảo hiểm y tế của công ty

- **Type:** Employer Contributions
- **Formula:** $3\% * \text{Basic Salary}$
- **Affect Net Pay:** ☐ Không (vì công ty đóng thay cho nhân viên)

4. Lợi ích của Salary Component trong HRMS

- ☐ **Tự động hóa bảng lương** – Giảm sai sót khi tính toán.
- ☐ **Dễ dàng điều chỉnh** – Có thể cập nhật thành phần lương mà không cần thay đổi toàn bộ cấu trúc.
- ☐ **Minh bạch** – Nhân viên có thể xem chi tiết lương của họ trong **Salary Slip**.
- ☐ **Tích hợp với chính sách thuế và bảo hiểm** – Giúp doanh nghiệp tuân thủ quy định pháp luật.

5. Kết luận

Thành phần lương(Salary Component) là nền tảng giúp HRMS tính toán bảng lương chính xác và linh hoạt. Khi kết hợp các **Salary Component** lại với nhau, chúng tạo thành **Salary Structure**, từ

đó áp dụng vào **Salary Slip** để trả lương cho nhân viên.

Phiên bản #1

Được tạo 13 tháng 3 2025 03:04:35 bởi Đỗ Ngọc Tú

Được cập nhật 13 tháng 3 2025 03:09:47 bởi Đỗ Ngọc Tú